TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141**/2026/DS-ST
Ngày: 05 - 8 -2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 -VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tất Linh.

2. Ông Phạm Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:*

Bà Phạm Thị Kiều L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2026.

-*Bị đơn:*

Bà Thái Hồng L1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn, ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến biên bản hòa giải và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt phía nguyên đơn có lời trình bày:

Do có quen biết, ngày 10/10/2024, bà L có cho ông Nguyễn Văn C, bà Thái Hồng L1 vay số tiền 150.000.000đồng với lãi suất là 4%/tháng. Thời gian khi nào bà L có nhu cầu sử dụng khoản tiền này sẽ báo trước cho ông C và bà L1 01 tháng để sắp xếp trả khoản vay.

Sau khi vay ông C, bà L1 trả lãi cho bà L được 2 tháng thì ngưng không trả lãi nữa.

Kể từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà L1 trả vốn và lãi cho bà L thì ông C, bà L1 chỉ hứa mà không thực hiện.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C và bà Thái Hồng L1 cùng liên đới trả số tiền vốn 150.000.000đồng và lãi suất 1.5%/tháng tính từ ngày 10 tháng 12 năm 2024 cho đến khi hòa giải thành hoặc đưa vụ án ra xét xử. Lãi suất tạm tính từ ngày 10 tháng 12 năm 2024 đến ngày 10 tháng 05 năm 2026 là 150.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 17 tháng = 38.250.000đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 08/7/2026, biên bản hòa giải phía bị đơn bà Thái Hồng L1 có lời trình bày.

Do có quen biết, khoảng năm 2020, cá nhân bà L1 có vay của bà Phạm Thị Kiều L nhiều lần với số tiền khác nhau, mỗi 01 lần từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng, sau đó hai bên tiến hành cộng dồn lại thành số tiền 150.000.000đồng, thời hạn khi nào bà L1 có tiền sẽ trả lại cho bà L, mục đích bà vay tiền là cho bà chị dâu tên Nguyễn Thị Huỳnh Đ đi trị bệnh nan y. Tuy nhiên khi mượn tiền hai bên không làm giấy tờ làm tin, lãi suất thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Quá trình trả nợ, bà L1 chưa trả được tiền gốc mà chỉ trả lại được lãi hàng tháng từ khi vay cho đến cuối năm 2024 thì không còn khả năng trả lãi cho bà L. Khi không có khả năng trả nợ thì bà L1 vẫn chưa viết giấy nhận nợ.

Khoảng đầu tháng 02/2026, bà L gặp bà L1 và yêu cầu viết giấy nợ, bà L nói là viết để biết là bà L1 có mượn tiền của bà L thôi chứ không phải dựa vào đó để kiện cáo làm gì. Bà L1 tin lời nên tự tay viết giấy nợ bằng giấy tập học sinh nhưng bà L1 không ghi rõ năm sinh, địa chỉ, số CCCD, bà L1 vẫn đồng ý giấy nợ đó, là giấy nợ có trong hồ sơ vụ án mà bà L1 được biết.

Việc vay tiền thì chồng bà L1 (tên Nguyễn Văn C – Có đăng ký kết hôn) không hề hay biết do bà L1 không cho chồng biết và bà L cũng không nói cho chồng bà L1 biết, khi đóng lãi thì chồng bà L1 cũng không biết. Nói chung là ông C không có liên quan đến số nợ này.

Do diều kiện công việc hàng ngày, bà L1 phải lo cho chồng, cha chồng đều bị bệnh tay biến nên bà L1 không thể nhiều lần đến TAND khu vực 6 - Vĩnh Long để tham gia giải quyết vụ án vì vậy theo quy định của pháp luật nay bà có đề nghị đề nghị Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải vắng mặt bà và đồng thời giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Theo biên bản làm việc ngày 23/7/2027, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có lời trình bày.

Ông C không biết rõ bà Phạm Thị Kiều L do ông không có gặp người này, không biết bà L này là ai. Việc bà L cho rằng vợ ông là bà Thái Hồng L1 có vay mượn tiền của bà L thì ông C không biết và bà L không chủ động kêu nói cho ông biết là bà L1 có vay tiền của bà L và bà L1 cũng không nói cho chồng là ông C biết, ông cũng không có mang tiền đi đóng lãi, hay trả gốc dùm cho bà L1. Nói chung là ông C không có liên quan đến số nợ này. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C và bà Thái Hồng L1 cùng liên đới trả cho số tiền vốn vay là 150.000.000đồng và lãi suất 1.5%/tháng tính từ ngày 10 tháng 12 năm 2024 đến khi hòa giải thành hoặc đưa vụ án ra xét xử, tạm tính từ ngày 10 tháng 12 năm 2024 đến ngày 10 tháng 05 năm 2026 thì ông C không đồng ý do vô can trong chuyện này.

Do diều kiện công việc hàng ngày, sức khỏe không tốt do bệnh nên không thể nhiều lần đến TAND khu vực 6 - Vĩnh Long để tham gia giải quyết vụ án vì vậy theo quy định của pháp luật nay ông C có đề nghị Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt ông C và đồng thời giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn, có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2].Về nội dung:

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 10/10/2024, bà L có cho ông Nguyễn Văn C, bà Thái Hồng L1 vay số tiền 150.000.000đồng với lãi suất là 4%/tháng. Sau khi vay ông C, bà L1 trả lãi cho bà L được 2 tháng thì ngưng không trả lãi nữa. Kể từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà L1 trả vốn và lãi cho bà L thì ông C, bà L1 chỉ hứa mà không thực hiện.

Theo bị đơn trình bày do có quen biết, khoảng năm 2020, cá nhân bà L1 có vay của bà Phạm Thị Kiều L nhiều lần với số tiền khác nhau, mỗi 01 lần từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng, sau đó hai bên tiến hành cộng dồn lại thành số tiền 150.000.000đồng, thời hạn khi nào bà L1 có tiền sẽ trả lại cho bà L. Tuy nhiên khi mượn tiền hai bên không làm giấy tờ làm tin, lãi suất thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Quá trình trả nợ, bà L1 chưa trả được tiền gốc mà chỉ trả lại được lãi hàng tháng từ khi vay cho đến cuối năm 2024 thì không còn khả

năng trả lãi cho bà L. Khoảng đầu tháng 02/2026, bà L gặp bà L1 và yêu cầu viết giấy nợ, bà L nói là viết để biết là bà L1 có mượn tiền của bà L thôi chứ không phải dựa vào đó để kiện cáo làm gì, đó là giấy nợ có trong hồ sơ vụ án mà bà L1 được biết. Việc bà L1 vay tiền thì chồng bà L1 là ông C không có liên quan đến số nợ này.

Ông Nguyễn Văn C trình bày không biết rõ bà Phạm Thị Kiều L là nguyên đơn do ông không có gặp người này. Việc bà L cho rằng vợ ông là bà L1 có vay mượn tiền của bà L thì ông C không biết, ông C không có liên quan đến số nợ này.

Do các bên không thống nhất về quyền và nghĩa vụ đối với việc thực hiện hợp đồng vày tài sản vì vậy phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là giấy nợ không có tiêu đề, có ghi nội dung "Tôi: Thái Hồng L1 có mượn Phạm Thị Kiều L2 số tiền 150.000.000đ....1 trăm năm mươi triệu đồng". Quá trình giải quyết vụ án qua làm việc bà L2 thừa nhận khoảng đầu tháng 02/2026, bà L gặp bà L2 và yêu cầu viết giấy nợ, bà L nói là viết để biết là bà L2 có mượn tiền của bà L thôi chứ không phải dựa vào đó để kiện cáo làm gì, bà L2 tin lời nên tự tay viết giấy nợ bằng giấy tập học sinh giữa bên vay là bà L2, bên cho vay là bà L nhưng bà L2 không ghi rõ năm sinh, địa chỉ, số CCCD, bà L vẫn đồng ý giấy nợ này là giấy nợ có trong hồ sơ vụ án mà bà L2 được biết, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nhận thấy hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 150.000.000đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc tính lãi do bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc nên phải trả lãi trên số tiền gốc chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.5%/tháng tạm tính từ ngày 10 tháng 12 năm 2024 đến ngày 10 tháng 05 năm 2026 là 17 tháng tính thành tiền là 150.000.000đồng x 1.5%/tháng x 17 tháng = 38.250.000đồng là phù hợp vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà L2 trình bày rằng lãi suất cho vay là 6%/tháng tuy nhiên phía bà L2 không giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh lãi suất cho vay là 6%/tháng theo như thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ của Tòa án vì vậy ý kiến này không được Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với nghĩa vụ liên đới của ông C, qua làm việc ông C trình bày việc bà L cho rằng vợ ông là bà L2 có vay mượn tiền của bà L thì ông C không biết, ông C không có liên quan đến số nợ này. Nhận thấy ông C không có ký tên vào giấy nợ cùng với bà L2, bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông C có biết việc bà L2 vay tiền của bà L và hiện còn nợ 150.000.000đồng theo như thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ của Tòa án vì

vậy bà L yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà L2 trả số tiền nợ vay 150.000.0000đồng và tiền lãi 38.250.000đồng cho bà L là không phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3].Về án phí:

Bà L2 phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 150.000.000đồng và tiền lãi 38.250.000đồng, tổng cộng là 188.250.000đồng vì vậy phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 188.250.000đồng x 5% = 9.412.500đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều L đối với bị đơn bà Thái Hồng L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C về việc yêu cần bà Thái Hồng L1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều L đối với bị đơn bà Thái Hồng L1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bà Thái Hồng L1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kiều L số tiền gốc và lãi 188.250.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Buôc bà Thái Hồng L1 phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 9.412.500đồng và phải có nghĩa vụ nộp đủ.

Trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.706.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010555 ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh long
- VKSND khu vực 6 - vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6 - vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Cường